TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1375/2018/QĐST-VHNGĐ	*Thành phố B, ngày 01 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2267/2018/TLST-VHNGĐ, ngày 18/9/2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

Ông **Phạm Tuấn A**, sinh năm 1991.

Bà **Nguyễn Ngọc Trang Đ**, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: B2/6, tổ 14, khu phố 1, phường T, thành phố B, Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Tuấn A và bà Nguyễn Ngọc Trang Đ tự nguyện kết hôn với nhau, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 09/12/2014 nên căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay ông Phạm Tuấn A và Nguyễn Ngọc Trang Đ xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Phạm Tuấn A và bà Nguyễn Ngọc Trang Đ có 01 con chung là cháu Phạm Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 06/11/2016. Ly hôn ông A và bà Đ thỏa thuận để bà Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, tạm thời ông A cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đồng (Năm triệu đồng)/tháng.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Ông Phạm Tuấn A và bà Nguyễn Ngọc Trang Đ mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ ông A và bà Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 009259 ngày 11/9/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Tuấn A, sinh năm 1991 và bà Nguyễn Ngọc Trang Đ, sinh năm 1990 thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa ông A và bà Đ về việc bà Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 06/11/2016 đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động. Tạm thời, ông A cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đồng (Năm triệu đồng)/tháng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động.

Ông A được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản ông A thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông A không cấp dưỡng nuôi con số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các bên trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Tuấn A và bà Nguyễn Ngọc Trang Đ mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào

số tiền tạm ứng án phí 300.000đ ông A và bà Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 009259 ngày 11/9/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Đào